

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST

Ngày: 12-3-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thùy D, sinh năm 1988; nơi sinh: Tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Số C khóm T, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Nội trợ; cha tên Lê Đình T, sinh năm 1965, mẹ tên Trịnh Thị K (chết). Chồng tên Lê Quốc H, sinh năm 1983, có 03 con.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/7/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Thị Thu T, sinh năm 1970; nơi sinh: Tỉnh An Giang

Nơi cư trú: Số S khóm Đ, phường A, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Nội trợ; cha tên Lê Tiết G, sinh năm 1944, mẹ tên Phạm Thị L, sinh năm 1949. Chồng tên Đặng Thanh H, sinh năm 1972, có 01 con.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nguyễn Khương N – Luật sư Văn phòng luật sư Khang Ninh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Bị hại*: Công ty Tài chính H

Trụ sở: Tầng G, 8 và 10 tòa nhà N, số K, đường G, phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt C. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Võ Kim L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số S khóm P, phường H, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 01 năm 2018 chị Võ Kim L có đưa cho Lê Thùy D 02 loại giấy tờ bản chính mang tên mình gồm chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để nhờ D liên hệ vay tiền qua sim điện thoại tại Công ty Tài chính F. Sau đó D có giúp chị L liên hệ vay tiền nhưng không vay được do hồ sơ chị L không đủ điều kiện, cụ thể là sim điện thoại của chị L không được hỗ trợ vay vốn. Thay vì trả lại chị L 02 loại giấy tờ nêu trên thì D lại nảy sinh ý định giả mạo hồ sơ mang tên Võ Kim L để lừa đảo Công ty Tài chính H (gọi tắt là Công ty H) để chiếm đoạt tiền bằng hình thức giả mạo vay tiền qua hợp đồng tín dụng tiêu dùng, vì vậy D giữ lại 02 loại giấy tờ mang tên Võ Kim L để thực hiện. Sau đó D gặp Lê Thị Thu T rủ T cùng tham gia. Để thực hiện được hành vi lừa đảo D bàn với T sửa chữa, thay ảnh chứng minh nhân dân của chị Võ Kim L bằng ảnh của T để nhân viên Công ty khi kiểm tra không phát hiện, T đồng ý và đưa cho D một ảnh 3x4. Sau đó, D trực tiếp thực hiện hành vi thay ảnh chứng minh nhân dân bằng cách dùng kéo cắt bỏ viên nhựa bên ngoài chứng minh nhân dân tại vị trí gắn ảnh, sau đó bóc gỡ lấy ảnh của chị L ra và gắn ảnh của T vào tại vị trí gắn ảnh trên chứng minh nhân dân đem ép nhựa lại, chứng minh nhân dân lúc này tên Võ Kim L nhưng hình ảnh là của Lê Thị Thu T.

Sau khi đã sửa chữa xong chứng minh nhân dân D hướng dẫn T cách giả mạo người tên Võ Kim L khi trao đổi với nhân viên Công ty H. Ngày 22/01/2018 D và T cùng đến đến điểm giao dịch của Công ty tại Cửa hàng điện thoại Thế Giới Di Động, phường C, thành phố Vĩnh Long giả mạo chị Võ Kim L ký hồ sơ tín dụng, cả hai gặp trực tiếp nhân viên Công ty là chị Nguyễn Thị

Thu T giao dịch và tiến hành thủ tục ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng vì tin tưởng rằng T chính là người tên Võ Kim L, số tiền đề nghị vay là 5.706.000 đồng mục đích mua 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung J7 plus có trị giá 7.690.000 đồng tại Cửa hàng Thế Giới Di Động (D đã trả trước bằng tiền mặt cho Cửa hàng Thế Giới Di Động 2.307.000 đồng). Sau khi giả mạo Võ Kim L ký tên, viết tên vào hồ sơ vay tín dụng tiêu dùng và cho nhân viên giao dịch ghi hình khuôn mặt xong thì T ra về (hồ sơ ký giả mạo gồm: Đề nghị vay vốn – Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số 3800370973; Thỏa thuận trọng tài; Bảng đăng ký dịch vụ điện tử; Hợp đồng bảo hiểm tai nạn người vay tín dụng). D ở lại chờ nhân viên giao dịch của Công ty chuyển tiền thanh toán cho Cửa hàng Thế Giới Di Động để nhận chiếc điện thoại Sam Sung J7 plus. Sau khi nhận điện thoại D liên lạc với người tên X (không rõ họ tên, địa chỉ, cụ thể) bán lại điện thoại giá 4.800.000 đồng. Do trước đó X đã đưa cho Dung 2.307.000 đồng là khoản tiền mà D đã trả cho cửa hàng điện thoại thế giới di động nên khi giao điện thoại cho X thì D tiếp tục nhận 2.493.000 đồng, Dung đem tiền về chia cho T 500.000 đồng để tiêu xài.

Sau khi dùng chứng minh nhân dân tên Võ Kim L lừa đảo Công ty H chiếm đoạt tiền xong D dùng kéo cắt bỏ viền nhựa bên ngoài của chứng minh nhân dân tại vị trí gắn ảnh tháo ảnh của T ra và gắn ảnh của chị L trở lại rồi đem ép nhựa giống như ban đầu, sau đó trả chứng minh nhân dân lại cho chị L.

Cơ quan điều tra có tiến hành trưng cầu giám định xác định chữ ký và chữ viết họ tên Võ Kim L trên hồ sơ gồm các tài liệu: Đề nghị vay vốn – Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số 3800370973; Thỏa thuận trọng tài; Bảng đăng ký dịch vụ điện tử; Hợp đồng bảo hiểm tai nạn người vay tín dụng do Công ty H cung cấp. Theo kết luận giám định số 177/KLGD-PC09 ngày 18/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long thì chữ viết họ tên Võ Kim L trên các tài liệu nêu trên là do Lê Thị Thu T viết ra; còn chữ ký tên không giám định được do không đồng dạng. Quá trình điều tra Lê Thùy D và Lê Thị Thu T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên; cả hai khai nhận do bản thân không có tiền tiêu xài nên thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty H.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSND.TPVL ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo Lê Thùy D và Lê Thị Thu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 174, khoản 1 Điều 340 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia xét xử đã nêu quan điểm luận tội: Khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 340; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 54, 55, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thùy D từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 đến 06 tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng

nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 10 tháng tù đến 01 năm 03 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 340; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 54, 55, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T từ 05 đến 08 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 đến 06 tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 09 tháng tù đến 01 năm 02 tháng tù.

Miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra hai bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 6.596.683 đồng, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T phát biểu: Thống nhất với tội danh mà bị cáo bị truy tố. Bị cáo T phạm tội nhưng vai trò thấp hơn bị cáo D. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; gia đình bị cáo có người thân tham gia cách mạng; bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đại diện bị hại anh Nguyễn Việt C trình bày: Trong quá trình điều tra hai bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu gì khác. Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Lê Thùy D và Lê Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức” của mình đúng như cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà các bị cáo bị truy tố. Các bị cáo không tham gia tranh luận, trong phần nói lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, của bị hại, các vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác đã được thẩm tra, do đó đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thùy D và Lê Thị Thu T đều phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 340 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền 5.706.000 đồng của Công ty Tài chính H là Công ty có chức năng cho vay tiêu dùng cá nhân. Hành vi của các bị cáo còn xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức, gây mất an ninh tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, với hành vi phạm tội này các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm với một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính răn đe, giúp các bị cáo cải tạo bản thân trở thành một người công dân có ích và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc phân công cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng người nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Đối với bị cáo D: Bị cáo là người giữ vai trò chính, khởi xướng trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty tài chính H và cũng là người sửa chữa giấy chứng minh nhân dân của chị Võ Kim L thay hình của bị cáo T vào để sử dụng lừa đảo nên cần phải xử lý nặng hơn bị cáo T mới thỏa đáng.

Đối với bị cáo T: Bị cáo thực hiện vai trò giúp sức tích cực trong quá trình phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như giả làm chị Võ Kim L để vay tiền; cung cấp ảnh 3x4 cho bị cáo D thay vào giấy chứng minh nhân dân của chị L. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc trong khung hình phạt đúng với tính chất mức độ của hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T có người thân tham gia cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản

1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Đây là loại tội phạm ngoài hình phạt chính còn có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung theo qui định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 3 Điều 340 Bộ luật Hình sự. Xét hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra hai bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 6.596.683 đồng, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét lời bào chữa của luật sư đối với bị cáo T: Không chấp nhận tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn bởi vì tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” khách thể bị xâm hại là trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức, đã ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức thì không thể định lượng được. Đối với các tình tiết giảm nhẹ khác có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thùy D và Lê Thị Thu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 340; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 54, 55, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thùy D 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 340; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 54, 55, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thùy D và Lê Thị Thu T mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; NLQ; NBC;
- Phòng HS - CA TVL;
- TAND tỉnh VL;
- CA TPVL;
- VKSND TPVL;
- VKSND tỉnh VL;
- CCTHADS TPVL;
- Sở Tư pháp tỉnh VL;
- UBND Phường TN; TA TPVL;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Hải Châu